

Số: 4272/TB-ĐHĐL

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

## THÔNG BÁO

**Kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, năm học 2020 - 2021;  
Đối sánh với kết quả khảo sát học kỳ I, năm học 2020 - 2021**

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Thực hiện kế hoạch số 155/KH-ĐHĐL, ngày 01/3/2021, về việc “*Khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, năm học 2020 – 2021*”, phòng Quản lý Chất lượng đã tổ chức lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, năm học 2020 - 2021, kết quả như sau:

### **I. Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên trong học kỳ II, năm học 2020 - 2021**

#### **1. Thông tin chung**

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên hệ chính quy toàn Trường.
- Nội dung khảo sát bao gồm:
  - + Mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tài liệu tham khảo của học phần được giới thiệu rõ ràng (từ câu số 1 đến câu số 4);
  - + Nội dung, cấu trúc bài giảng (từ câu số 5 đến câu số 8);
  - + Phương pháp giảng dạy học phần, sử dụng linh hoạt công cụ hỗ trợ giảng dạy (từ câu số 9 đến câu số 11);
  - + Quan tâm, khuyến khích, và tạo động lực cho sinh viên trong học tập (câu số 12, 13, 19);
  - + Kiểm tra, đánh giá (từ câu số 14 đến câu số 16);
  - + Thời gian lên lớp (câu số 17 và 18);
  - + Tác phong sư phạm của giảng viên (từ câu số 20 đến câu số 23);
  - + Với từng câu hỏi sẽ có 5 mức lựa chọn: (1) Hoàn toàn không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Phân vân; (4) Đồng ý và (5) Rất đồng ý.
- Ngoài ra, phiếu khảo sát còn có câu hỏi mở.
- Trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên với 23 tiêu chí đánh giá, cụ thể như sau:
  - + Tổng số lượt giảng viên (học phần) được khảo sát: 42 học phần;

+ Số phiếu thu về: 1687 phiếu hợp lệ.

## 2. Kết quả Khảo sát sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên

### 2.1 Kết quả khảo sát của toàn Trường

Kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng giảng dạy của toàn Trường trong học kì II, năm học 2020 – 2021, theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

TIÊU CHÍ	TÊN TIÊU CHÍ	ĐIỂM TB HK I 2020 - 2021	ĐIỂM TB HK II 2020 - 2021
TC 1	Giảng viên (GV) phổ biến đầy đủ mục đích, yêu cầu học phần cho sinh viên (SV)	4.4	4.4
TC 2	GV giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết của học phần	4.4	4.3
TC 3	GV giới thiệu đầy đủ giáo trình của học phần, tài liệu tham khảo cho SV	4.4	4.4
TC 4	GV thông báo nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần rõ ràng	4.4	4.4
TC 5	Cấu trúc bài giảng được thiết kế có hệ thống và logic	4.3	4.2
TC 6	GV hướng dẫn phương pháp tự học, nghiên cứu tài liệu	4.2	4.2
TC 7	GV truyền đạt nội dung của học phần đầy đủ, chính xác	4.3	4.3
TC 8	GV có quan tâm đến việc cập nhật kiến thức mới vào nội dung bài giảng	4.3	4.3
TC 9	GV có phương pháp giảng dạy phù hợp giúp SV hiểu rõ hơn nội dung bài giảng	4.3	4.2
TC 10	GV có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của SV	4.2	4.2
TC 11	GV sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiệu quả	4.3	4.3
TC 12	GV giải đáp thắc mắc của SV về kiến thức của học phần đầy đủ, thỏa đáng	4.3	4.3
TC 13	GV quan tâm khuyến khích và hướng dẫn SV rèn luyện các kỹ năng, thái độ cần thiết cho nghề nghiệp và cuộc sống thông qua các hình thức tổ chức lớp học	4.3	4.3
TC 14	GV sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV	4.3	4.2
TC 15	GV tổ chức kiểm tra, đánh giá khách quan, công bằng	4.4	4.3
TC 16	Kết quả kiểm tra, đánh giá đúng thực chất năng lực học tập, rèn luyện của SV	4.3	4.3
TC 17	GV thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy	4.4	4.3
TC 18	GV sử dụng thời gian lên lớp một cách hiệu quả	4.4	4.3

TIÊU CHÍ	TÊN TIÊU CHÍ	ĐIỂM TB HK I 2020 - 2021	ĐIỂM TB HK II 2020 - 2021
TC 19	Quá trình giảng dạy của GV thật sự tạo động lực học tập, rèn luyện đối với SV, tạo môi trường học tập tích cực, thân thiện	4.3	4.2
TC 20	GV có trang phục và phong cách lịch sự	4.5	4.4
TC 21	GV diễn đạt ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu	4.4	4.4
TC 22	GV có khả năng quản lý và tổ chức các hoạt động của SV	4.3	4.3
TC 23	GV có thái độ tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên	4.5	4.4

Trong đó:  $Điểm\ trung\ bình = [1 * số\ ý\ kiến\ chọn\ mức\ 1 + 2 * số\ ý\ kiến\ chọn\ mức\ 2 + 3 * số\ ý\ kiến\ chọn\ mức\ 3 + 4 * số\ ý\ kiến\ chọn\ mức\ 4 + 5 * số\ ý\ kiến\ chọn\ mức\ 5] / tổng\ số\ phiếu.$

Nhìn chung, trong các nội dung khảo sát đều nhận được sự đồng tình khá cao và đồng đều của sinh viên (mức điểm trung bình đạt được trong khoảng 4.2 đến 4.5 điểm). Kết quả đối sánh chung giữa học kì I và học kì II, năm học 2020 - 2021, điểm trung bình của hầu hết các tiêu chí được khảo sát trong học kỳ II tương đương với học kì I.

## 2.2 Kết quả đối sánh theo từng nội dung khảo sát

2.2.1. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tài liệu tham khảo của học phần được giới thiệu rõ ràng.

- Hầu hết sinh viên được khảo sát cho rằng giảng viên giới thiệu đầy đủ, rõ ràng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tài liệu tham khảo của học phần. Trong học kỳ II năm học 2020 - 2021, tất cả các tiêu chí đánh giá nội dung phần này đều có ý kiến, đồng ý và rất đồng ý trên 90%; phân vân: dưới 6%; không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý dưới 2%, cụ thể:

- + Các ý kiến đồng ý và rất đồng ý: 93.2% đến 95.8%;
- + Phân vân: 2.8% đến 5.1%;
- + Không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý: 1.3% đến 1.7%.

- Kết quả đối sánh cụ thể từng tiêu chí:

+ Tiêu chí 1 “Giảng viên phổ biến đầy đủ mục đích, yêu cầu học phần cho sinh viên” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 95.8% (giảm 0.1%); phân vân là 2.8% (tương đương học kì I); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.4% (tăng 0.1%);

+ Tiêu chí 2 “Giảng viên giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết của học phần cho sinh viên” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 93.2% (*giảm 0.8%*); phân vân là 5.1% (*tăng 0.7%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.7% (*tăng 0.1%*);

+ Tiêu chí 3 “Giảng viên giới thiệu đầy đủ giáo trình của học phần, tài liệu tham khảo cho sinh viên” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 95.1% (*tăng 1.2%*); phân vân là 3.6% (*giảm 1.1%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.3% (*giảm 0.2%*);

+ Tiêu chí 4 “Giảng viên thông báo nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần rõ ràng” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 94.4% (*giảm 0.9%*); phân vân là 3.9% (*tăng 0.6%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.7% (*tăng 0.3%*).

Nhìn chung, trong năm học 2020 - 2021 sinh viên đều đánh giá cao việc giảng viên giới thiệu đầy đủ, rõ ràng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tài liệu tham khảo của học phần. Bảng 1 cho thấy học kỳ II, năm học 2020 - 2021, tỷ lệ sinh viên đánh giá các tiêu chí 1, 2, 3, và 4 tương đương so với học kỳ 1, tỉ lệ tăng giảm các mức đánh giá không đáng kể.

**Bảng 1. Đối sánh kết quả đánh giá về việc giới thiệu rõ ràng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tài liệu tham khảo của học phần**

Ý kiến	TC1		TC2		TC3		TC4	
	Học kì I	Học kì II	Học kì I	Học kì II	Học kì I	Học kì II	Học kì I	Học kì II
Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý	1.3	1.4	1.6	1.7	1.5	1.3	1.4	1.7
Phân vân	2.8	2.8	4.4	5.1	4.7	3.6	3.3	3.9
Rất đồng ý và đồng ý	95.9	95.8	94.0	93.2	93.9	95.1	95.3	94.4

#### 2.2.2. Nội dung, cấu trúc bài giảng

Đối với các tiêu chí đánh giá về nội dung, cấu trúc bài giảng cũng được sinh viên đánh giá khá cao qua hai học kỳ. Kết quả khảo sát trong học kỳ II năm học 2020 - 2021 có tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý trên 88%; tỷ lệ phân vân dưới 9%; tỷ lệ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý dưới 3%. Bảng 2 cho thấy các tiêu chí của nội dung này tương đương so với học kỳ I, cụ thể:

- + Các ý kiến đồng ý và rất đồng ý: 88.8% đến 92.9%;
- + Phân vân: 5.6% đến 9.0%;
- + Không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý: 1.5% đến 2.2%.

- Kết quả đối sánh cụ thể từng tiêu chí:

+ Tiêu chí 5 “Cấu trúc bài giảng được thiết kế có hệ thống và logic” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 89.8% (*giảm 0.3%*); phân vân là 8.1% (*trương đương học kì I*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 2.1% (*tăng 0.2%*);

+ Tiêu chí 6 “Giảng viên hướng dẫn phương pháp tự học, nghiên cứu tài liệu” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 88.8% (*tăng 0.3%*); phân vân là 9.0% (*giảm 0.6%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 2.2% (*tăng 0.3%*);

+ Tiêu chí 7 “Giảng viên truyền đạt nội dung học phần đầy đủ, chính xác” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 92.9% (*giảm 0.8%*); phân vân là 5.6% (*tăng 0.6%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.5% (*tăng 0.1%*);

+ Tiêu chí 8 “Giảng viên có quan tâm đến việc cập nhật kiến thức mới vào nội dung bài giảng” so với học kì I: đồng ý và rất đồng ý là 92.0% (*tăng 0.9%*); phân vân là 6.2% (*giảm 1.4%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.8% (*tăng 0.4%*).

**Bảng 2. Đối sánh kết quả về nội dung, cấu trúc bài giảng**

Ý kiến	TC5		TC6		TC7		TC8	
	Học kì I	Học kì II	Học kì I	Học kì II	Học kì I	Học kì II	Học kì I	Học kì II
Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý	1.9	2.1	1.9	2.2	1.4	1.5	1.4	1.8
Phân vân	8.1	8.1	9.6	9.0	5.0	5.6	7.6	6.2
Rất đồng ý và đồng ý	90.1	89.8	88.5	88.8	93.7	92.9	91.1	92.0

Như vậy, giảng viên đã có sự đầu tư thỏa đáng trong việc thiết kế bài giảng như học kỳ I, sinh viên đánh giá bài giảng thiết kế logic, rõ ràng, dễ hiểu, giảng viên nhiệt tình hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập. Tuy nhiên, tại một số học phần vẫn có ý kiến của sinh viên cho rằng giảng viên cần trình bày lý thuyết rõ ràng hơn, bổ sung thêm kiến thức thực tế để người học dễ hiểu và có thể vận dụng sau khi tốt nghiệp.

### 2.2.3. Phương pháp giảng dạy học phần, sử dụng linh hoạt công cụ hỗ trợ giảng dạy

Đa số sinh viên được khảo sát trong hai học kỳ của năm học 2020 - 2021 đều cho rằng giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp giúp sinh viên hiểu rõ hơn nội dung bài học. Hầu hết các tiết học giảng viên đều sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiệu quả, có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên. Kết quả khảo sát trong học kỳ II, năm học 2020 – 2021 có tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý

trên 88%; tỷ lệ phân vân dưới 10%; tỷ lệ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý dưới 3%. Bảng 3 cho thấy các tiêu chí của phần này có tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý có tăng hơn so với học kỳ I; trong khi tỷ lệ phân vân, hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý duy trì ở mức thấp, cụ thể:

+ Các ý kiến đồng ý và rất đồng ý: 88.3% đến 92.2%;

+ Phân vân: 6.1% đến 9.1%;

+ Không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý: 1.7% đến 2.3%.

- Kết quả đối sánh cụ thể từng tiêu chí:

+ Tiêu chí 9 “Giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp giúp sinh viên hiểu rõ hơn nội dung bài giảng” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 88.7% (*giảm 0.7%*); phân vân là 9.1% (*tăng 0.3%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 2.2% (*tăng 0.4%*);

+ Tiêu chí 10 “Giảng viên có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 88.3% (*giảm 1.0%*); phân vân là 9.4% (*giảm 1.4%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 2.3% (*tăng 0.4%*);

+ Tiêu chí 11 “Giảng viên sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiệu quả” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 92.2% (*tăng 1.6%*); phân vân là 6.1% (*giảm 1.5%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.7% (*giảm 0.1%*).

**Bảng 3. Đối sánh về phương pháp giảng dạy, có sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ giảng dạy**

Ý kiến	TC9		TC10		TC11	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý	1.8	2.2	1.9	2.3	1.8	1.7
Phân vân	8.8	9.1	10.8	9.4	7.6	6.1
Rất đồng ý và đồng ý	89.4	88.7	87.3	88.3	90.6	92.2

Như vậy, giảng viên đã có phương pháp giảng dạy phù hợp giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài giảng, việc kết hợp các phương tiện hỗ trợ giảng dạy cũng đã hiệu quả hơn. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến của sinh viên cho rằng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: máy chiếu, micro.... đôi khi còn trục trặc, làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy cũng như sự tiếp thu bài học của sinh viên. Bên cạnh đó cần có thêm các biện pháp để phát huy tính chủ động của sinh viên trong học tập.

#### 2.2.4. Mức độ quan tâm, khuyến khích, và tạo động lực học tập cho sinh viên.

Qua hai kỳ, sinh viên đều đánh giá cao các tiêu chí về mức độ quan tâm, khuyến khích và tạo động lực học tập cho sinh viên. Kết quả khảo sát trong học kỳ II năm học 2020 – 2021 có tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý trên 89%; tỷ lệ phân vân dưới 9%; tỷ lệ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý dưới 2.5 %. Bảng 4 cho thấy rõ hơn về sự tăng, giảm các tỷ lệ giữa hai học kỳ của năm học 2020 - 2021, cụ thể:

+ Các ý kiến đồng ý và rất đồng ý: 89.6% đến 93.2%;

+ Phân vân: 5.2% đến 8.2%;

+ Không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý: 1.5% đến 2.1%.

- Kết quả đối sánh cụ thể từng tiêu chí:

+ Tiêu chí 12 “Giảng viên giải đáp thắc mắc của sinh viên về kiến thức của học phần đầy đủ, thỏa đáng” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 93.2% (*giảm 0.5%*); phân vân là 5.2% (*tăng 0.7%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.5% (*giảm 0.3%*);

+ Tiêu chí 13 “Giảng viên quan tâm khuyến khích và hướng dẫn sinh viên rèn luyện các kỹ năng, thái độ cần thiết cho nghề nghiệp và cuộc sống thông qua các hình thức tổ chức lớp học” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 90.2% (*tăng 0.6%*); phân vân là 7.9% (*giảm 0.5%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.9% (*giảm 0.1%*);

**Bảng 4. Đối sánh về mức độ quan tâm, khuyến khích và tạo động lực học tập cho sinh viên**

Ý kiến	TC12		TC13		TC19	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý	1.8	1.5	2.0	1.9	1.8	2.1
Phân vân	4.5	5.2	8.4	7.9	7.3	8.2
Rất đồng ý và đồng ý	93.7	93.2	89.6	90.2	91.0	89.6

Qua kết quả khảo sát cho thấy, giảng viên ngày càng quan tâm tới vấn đề khuyến khích và tạo động lực học tập cho sinh viên. Hầu hết các giảng viên đều được sinh viên nhận xét là quan tâm tới việc học tập của sinh viên, giải đáp thắc mắc của sinh viên một cách thỏa đáng, tạo không khí học tập tích cực cho sinh viên. Tuy nhiên, trong phân góp ý sinh viên mong muốn giảng viên quan tâm hơn nữa tới việc rèn luyện các kỹ năng, lồng ghép các hoạt động thực tế trong quá trình giảng dạy.

### 2.2.5. Kiểm tra, đánh giá

- Hầu hết sinh viên đều đánh giá cao việc tổ chức kiểm tra và đánh giá của giảng viên là khách quan, công bằng; kết quả kiểm tra, đánh giá đúng thực chất năng lực học tập, rèn luyện của sinh viên; sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Kết quả khảo sát trong học kỳ II, năm học 2020 - 2021 có tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý trên 90%; tỷ lệ phân vân dưới 8.0%; tỷ lệ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý dưới 2.5%. Bảng 5 cho thấy rõ hơn về về kết quả khảo sát trong học kỳ II, cũng như sự đối sánh các tỷ lệ trên trong hai học kỳ của năm học 2020 - 2021, cụ thể:

- + Các ý kiến đồng ý và rất đồng ý: 90.1% đến 92.3%;
- + Phân vân: 5.8% đến 7.6%;
- + Không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý: 1.5% đến 2.3%.

- Kết quả đối sánh cụ thể từng tiêu chí:

+ Tiêu chí 14 “Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 90.1% (*giảm 2.6%*); phân vân là 7.6% (*giảm 1.4%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 2.3% (*tăng 1.2%*);

+ Tiêu chí 15 “Giảng viên tổ chức kiểm tra, đánh giá khách quan, công bằng” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 92.3% (*giảm 1.4%*); phân vân là 5.8% (*tăng 0.8%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.8% (*tăng 0.5%*);

+ Tiêu chí 16 “Kết quả kiểm tra, đánh giá đúng thực chất năng lực học tập, rèn luyện của sinh viên” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 91.9% (*giảm 0.9%*); phân vân là 6.6% (*tăng 0.8%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.5% (*tương đương học kỳ I*).

**Bảng 5. Đối sánh về mức độ công bằng trong kiểm tra, đánh giá sinh viên**

Ý kiến	TC14		TC15		TC16	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý	1.1	2.3	1.3	1.8	1.5	1.5
Phân vân	6.2	7.6	5.0	5.8	5.8	6.6
Rất đồng ý và đồng ý	92.7	90.1	93.7	92.3	92.8	91.9

Như vậy, việc tổ chức kiểm tra và đánh giá của giảng viên là khách quan, công bằng; kết quả kiểm tra, đánh giá đúng thực chất năng lực học tập, rèn luyện của sinh viên, sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Tuy nhiên vẫn có một



số ý kiến nên thông báo sớm hình thức thi, tăng thêm điểm quá trình để khuyến khích sinh viên tích cực tham gia học tập.

#### 2.2.6. Về thực hiện giờ giấc lên lớp

- Việc thực hiện giờ giấc lên lớp của giảng viên được sinh viên đánh giá cao và khá đồng đều, sinh viên cho rằng giảng viên thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy; sử dụng thời gian lên lớp một cách hiệu quả. Kết quả khảo sát trong học kỳ II, năm học 2020 - 2021 có tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý của hai tiêu chí này đều trên 93%; tỷ lệ phân vân là dưới 5%, tỷ lệ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý là dưới 2.0%. Bảng 6 cho thấy rõ hơn về kết quả khảo sát trong học kỳ II và đối sánh kết quả với học kỳ I năm học 2020 - 2021, cụ thể:

- + Các ý kiến đồng ý và rất đồng ý: 93.4% đến 94.9%;
- + Phân vân: 3.4% đến 5.0%;
- + Không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý: 1.6% đến 1.7%.

- Kết quả đối sánh cụ thể từng tiêu chí:

+ Tiêu chí 17 “Giảng viên thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 94.9% (*giảm 0.7%*); phân vân là 3.4% (*giảm 0.1%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.7% (*tăng 0.7%*);

+ Tiêu chí 18 “Giảng viên thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 93.4% (*giảm 0.9%*); phân vân là 5.0% (*tăng 0.3%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.6% (*tăng 0.6%*).

**Bảng 6. Đối sánh về việc thực hiện giờ giấc lên lớp của giảng viên**

Ý kiến	TC17		TC18	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý	1.0	1.7	1.0	1.6
Phân vân	3.5	3.4	4.7	5.0
Rất đồng ý và đồng ý	95.6	94.9	94.3	93.4

Hầu hết các giảng viên thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy, sử dụng thời gian lên lớp hiệu quả. Tuy nhiên, theo ý kiến của sinh viên vẫn còn một số rất ít giảng viên chưa thực hiện đủ giờ giảng.

#### 2.2.7. Tác phong sư phạm của giảng viên

Việc thực hiện tác phong sư phạm của giảng viên cũng được sinh viên đánh giá rất cao. Kết quả khảo sát trong học kỳ II năm học 2020 - 2021, có tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý trên 90%; tỷ lệ phân vân dưới 7.5%; tỷ lệ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý

dưới 2.0%. Bảng 7 cho thấy rõ hơn về kết quả khảo sát trong học kỳ II và đối sánh kết quả với học kỳ I năm học 2020 - 2021, cụ thể:

+ Các ý kiến đồng ý và rất đồng ý: 91.2 % đến 96.7%;

+ Phân vân: 2.3% đến 7.1%;

+ Không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý: 1.0% đến 1.7%.

- Kết quả đối sánh cụ thể từng tiêu chí:

+ Tiêu chí 20 “Giảng viên có trang phục và phong cách lịch sự” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 96.7% (*giảm 0.3%*); phân vân là 2.3% (*tăng 0.3%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.0% (*tương đương học kỳ I*);

+ Tiêu chí 21 “Giảng viên diễn đạt ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 93.1% (*giảm 0.1%*); phân vân là 5.5% (*tăng 0.5%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.5% (*giảm 0.3%*);

+ Tiêu chí 22 “Giảng viên có khả năng quản lý và tổ chức các hoạt động của sinh viên” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 91.2% (*tương đương học kỳ I*); phân vân là 7.1% (*tăng 0.1%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.7% (*giảm 0.2%*);

+ Tiêu chí 23 “Giảng viên có thái độ tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên” so với học kỳ I: đồng ý và rất đồng ý là 95.3% (*giảm 0.5%*); phân vân là 3.4% (*tăng 0.6%*); không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 1.2% (*giảm 0.1%*).

**Bảng 7. Đối sánh về việc tác phong sư phạm của giảng viên**

Ý kiến	TC20		TC21		TC22		TC23	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý	1.0	1.0	1.8	1.5	1.9	1.7	1.3	1.2
Phân vân	2.0	2.3	5.0	5.5	7.0	7.1	2.8	3.4
Rất đồng ý và đồng ý	97.0	96.7	93.2	93.1	91.2	91.2	95.8	95.3

Qua kết quả khảo sát và ý kiến của sinh viên cho thấy: giảng viên lên lớp có trang phục và phong cách lịch sự; diễn đạt ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu; có thái độ tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên.

### 2.3 Kết quả khảo sát theo Khoa

Kết quả khảo sát của các giảng viên từng khoa được tổng hợp và gửi tới Ban chủ nhiệm Khoa.

### **2.4 Kết quả Khảo sát của từng giảng viên**

- Nhìn chung, đa số các giảng viên đều nhận được ý kiến đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý trên hầu hết các tiêu chí, có nhiều phản hồi tích cực về giảng viên như:

+ Giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng, thiết kế nội dung bài giảng đầy đủ, khoa học, dễ hiểu, có cập nhật kiến thức mới trong bài giảng.

+ Giảng viên truyền đạt kiến thức dễ hiểu, liên hệ bài học với thực tiễn giúp sinh viên dễ hiểu bài.

+ Giảng viên thân thiện, luôn lắng nghe ý kiến của sinh viên, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập, nhiệt tình giải đáp các thắc mắc của sinh viên một cách thỏa đáng.

+ Giảng viên có nhiều tích cực trong đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức lớp học giúp sinh viên tham gia học tập tích cực, tạo điều kiện cho sinh viên trao đổi, thuyết trình trên lớp.

+ Giảng viên lên lớp đúng giờ, thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy, sử dụng thời gian lên lớp hiệu quả.

+ Giảng viên khách quan, công bằng trong kiểm tra, đánh giá sinh viên;

+ Giảng viên có thái độ tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên, trang phục và phong cách lên lớp lịch sự.

- Kết quả Khảo sát của từng giảng viên được gửi tới từng giảng viên.

## **II. Kết luận và kiến nghị**

Qua kết quả khảo sát chất lượng giảng dạy học kỳ II năm học 2020 - 2021, cũng như kết quả đối sánh với học kỳ I cùng năm cho thấy tất cả các tiêu chí đánh giá đều được đánh giá cao, phần lớn sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy Trường đưa ra. Kết quả so sánh giữa hai học kỳ cho thấy tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý ở tất cả tiêu chí được giữ vững ở mức cao; tỷ lệ phân vân, tỷ lệ hoàn không đồng ý và không đồng ý đều được duy trì ở mức thấp và rất thấp như học kỳ I. Như vậy, chất lượng các hoạt động giảng dạy của giảng viên được bảo đảm: nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy, tổ chức kiểm tra, đánh giá sinh viên, cũng như tác phong sư phạm của giảng viên. Bên cạnh đó còn có một số ý kiến góp ý của sinh viên đối với giảng viên, Khoa, và Trường như sau:

### **1. Một số kiến nghị đối với giảng viên:**

- Giảng viên tăng cường hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học, phương pháp tìm tài liệu nghiên cứu, nâng cao tính chủ động của sinh viên trong học tập.

- Giảng viên nên quan tâm hơn tới việc chuyên cần của sinh viên, khuyến khích sinh viên tham gia học tập tích cực hơn.

- Một số giảng viên nên giảng to, rõ ràng để dễ nghe hơn; hướng dẫn kỹ hơn sau các bài thuyết trình.

- Bổ sung thêm kiến thức thực tế để sinh viên dễ hiểu hơn và có thể vận dụng tốt các kiến thức, kỹ năng học được sau khi tốt nghiệp.

## **2. Một số kiến nghị đối với Trường và các Khoa chuyên môn:**

- Trường và Khoa nên sắp xếp thời khóa biểu hợp lý hơn, các môn học nên được học dần trải trong kỳ, tránh tình trạng học dồn; hạn chế xếp thời khóa biểu vào các buổi tối, thứ Bảy, Chủ nhật.

- Tổ chức cho sinh viên đi thực tế các cơ sở; tăng cường hoạt động ngoại khóa; tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với người nước ngoài để nâng cao khả năng giao tiếp và trình độ các học phần ngoại ngữ (tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản...)

- Tăng thêm thời lượng thực hành các học phần có nội dung thực hành để sinh viên hiểu rõ bài hơn.

- Bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập như: thiết bị thực hành, máy chiếu, loa, mic, bàn ghế, bóng đèn...tại các phòng học.

- Nâng cấp chất lượng máy tính tại các phòng máy.

- Tăng cường giữ gìn chất lượng vệ sinh các giảng đường đặc biệt là nhà vệ sinh.

- Lắp đặt thêm quạt ở các phòng học.

- Bố trí bãi gửi xe tại khu vực A7, A8.

### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các Khoa, Phòng (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. QLCL.

*nhu*



*Mai Minh Nhật*